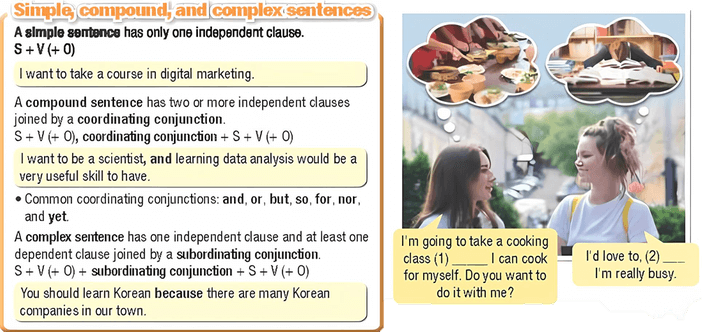
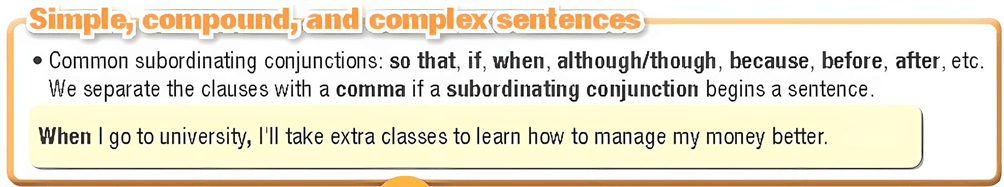
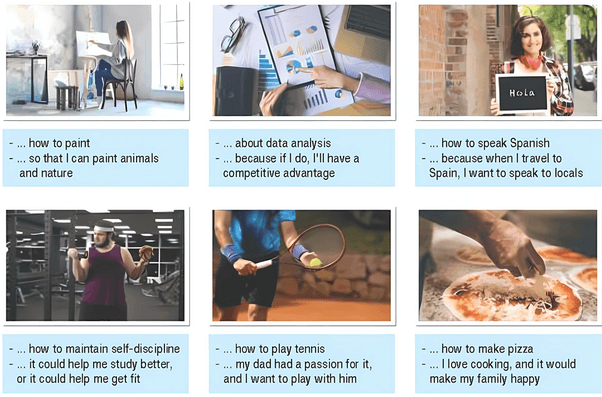
# Unit 5 Lesson 1 (trang 50, 51, 52, 53)

**Tiếng Anh lớp 12 Unit 5 Lesson 1** **(trang 50, 51, 52, 53) - ILearn Smart World**  
**Let's Talk! (trang 50 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What are these people learning? Why do some people continue to learn after finishing school? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Những người này đang học gì? Tại sao một số người tiếp tục học sau khi học xong?)  
  
**Gợi ý:**  
They are playing the guitar, using a computer and playing some games related to countries.  
Some people continue to learn after finishing school because people who want to change careers often return to study in a university. Some professions require employees to keep learning new ways to do things. For example, doctors and nurses must always learn about new illnesses and treatments. They must also practice the skills they have and keep learning new ones. Lifelong learning can help people stay healthy and independent. Many older people also feel that lifelong learning helps them stay close to young people. Lots of older people are now learning how to use computers.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ đang chơi ghi-ta, sử dụng máy tính và chơi một số trò chơi liên quan đến các quốc gia.  
Một số người tiếp tục học sau khi học xong vì những người muốn thay đổi nghề nghiệp thường quay lại học đại học. Một số ngành nghề yêu cầu nhân viên phải liên tục học hỏi những cách mới để làm việc. Ví dụ, bác sĩ và y tá phải luôn tìm hiểu về những căn bệnh và phương pháp điều trị mới. Họ cũng phải thực hành những kỹ năng họ có và liên tục học hỏi những kỹ năng mới. Học tập suốt đời có thể giúp con người luôn khỏe mạnh và độc lập. Nhiều người lớn tuổi cũng cảm thấy việc học tập suốt đời giúp họ gần gũi với người trẻ. Hiện nay có rất nhiều người lớn tuổi đang học cách sử dụng máy tính.  
  
**New Words (phần a->c trang 50 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the underlined words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ được gạch chân với các định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
• It takes a lot of to complete assignments on time in an online class.  
• She left her job to follow her for music. She's always loved singing.  
• We need to have an of the data to understand our customers better.  
• We need to improve our customer . A lot of them aren't happy with our services.  
• Staying late is , but I think we are going to talk about some very interesting things.  
• We use the latest technology to be with companies that sell the same products  
• These courses are right now. We'll need to open more classes.  
• You need to work hard to these skills. You won't get them easily.  
1. \_\_acquire\_\_: get something by effort or ability  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: a careful study of something in order to understand it better  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: wanted or needed by many people  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: the good feeling that you have when you get something that you wanted  
5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: the ability to make yourself do things that should be done  
6. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: a very strong feeling of love, hate, anger, etc.  
7. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: done by choice, not forced  
8. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_: as good as or better than others  
CD1-63  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. acquire  
  
  
2. analysis  
  
  
3. in-demand  
  
  
4. satisfaction  
  
  
  
  
5. self-discipline  
  
  
6. passion  
  
  
7. voluntary  
  
  
8. competitive  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
• Cần phải có cao để hoàn thành bài tập đúng thời hạn trong lớp học trực tuyến.  
• Cô bỏ việc để theo đuổi âm nhạc. Cô ấy luôn yêu thích ca hát.  
• Chúng ta cần dữ liệu để hiểu rõ hơn về khách hàng.  
• Chúng ta cần cải thiện của khách hàng. Rất nhiều người trong số họ không hài lòng với dịch vụ của chúng ta.  
• Ở lại muộn là , nhưng tôi nghĩ chúng tôi sẽ nói về một số điều rất thú vị mà bạn có thể muốn biết.  
• Chúng tôi sử dụng công nghệ mới nhất để với các công ty bán cùng sản phẩm.  
• Hiện nay các khóa học này đang . Chúng ta sẽ cần mở thêm lớp học.  
• Bạn cần phải làm việc chăm chỉ để những kỹ năng này. Bạn sẽ không có được chúng một cách dễ dàng.  
1. acquire: đạt được điều gì đó nhờ vào nỗ lực và khả năng  
2. analysis: nghiên cứu cẩn thận về điều gì đó để hiểu rõ hơn về nó  
3. in-demand: được nhiều người muốn hoặc cần đến  
4. satisfaction: cảm giác vui sướng khi bạn có được thứ mình muốn  
5. self-discipline: khả năng buộc bản thân làm những việc nên làm  
6. passion: cảm giác yêu, ghét, giận dữ, v.v. rất mạnh mẽ.  
7. voluntary: tự nguyện thực hiện, không bị ép buộc  
8. competitive: bằng hoặc tốt hơn người khác   
**b. What skills/qualities do people need to study/work effectively? Add any suitable new words and your own ideas.** (Mọi người cần những kỹ năng/phẩm chất nào để học tập/làm việc hiệu quả? Thêm bất kỳ từ mới phù hợp và ý tưởng của riêng bạn.)  
  
  
  
  
  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
Some skills/ qualities people need:  
- organizational skills - problem solving  
- loyal - self-confident  
- imaginative - brilliant  
- creative - independent  
- studious  
**Hướng dẫn dịch:**  
Một số kỹ năng/phẩm chất mọi người cần có:  
- kỹ năng tổ chức - giải quyết vấn đề  
- trung thành - tự tin  
- giàu trí tưởng tượng - xuất sắc  
- sáng tạo - độc lập  
- ham học  
**c. What is your passion? Use words from Task b to say what you will need to follow it.** (Đam mê của bạn là gì? Sử dụng các từ trong *Bài tập b* để nói những gì bạn cần để theo đuổi đam mê đó.)  
My passion is learning languages. I'll need good self-discipline to keep learning. (Đam mê của tôi là học ngoại ngữ. Tôi sẽ cần có tính kỷ luật tự giác tốt để tiếp tục học tập.)  
**Gợi ý:**  
My passion is drawing. I’ll need to be creative and imaginative.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Niềm đam mê của tôi là vẽ. Tôi cần phải sáng tạo và giàu trí tưởng tượng.  
  
**Reading (phần a->d trang 51 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the article about lifelong learning and choose the best title for the article.** (Đọc bài viết về học tập suốt đời và chọn tiêu đề phù hợp nhất cho bài viết.)  
1. What's lifelong learning, and how do you benefit from it? (Học tập suốt đời là gì và bạn được lợi ích gì từ việc học tập đó?)  
2. What's lifelong learning, and how to encourage it? (Học tập suốt đời là gì và làm thế nào để khuyến khích việc học tập này?)  
"Lifelong learning" means continuing to acquire new knowledge and skills throughout your life. It is voluntary, but often requires lots of self-discipline and motivation to continue. It can occur in many ways, for example, by joining a local course, taking virtual lessons online, or reading books. These days, it has become easier than ever to learn new skills and improve your professional, personal, and social life thanks to new technology.  
First of all, lifelong learning can offer benefits for your professional development. For example, if you are working for a company that does business internationally, learning a new language might help you get a better salary, or open up opportunities to work in a different country. Learning new things, especially high-tech skills like computer programming or data analysis, will also help you be more in the job market because having a wide range of abilities will make you more attractive to employers.  
Another benefit is personal development, like taking a yoga class or learning how to cook a new dish you like. Lifelong learning can help you find new passions and hobbies. For example, you could take a course in digital design in your free time and then discover that you really love making fun and beautiful images!  
Lifelong learning also helps your social life. If you join a class, you will likely meet people who share the same interests. As you learn and gain skills, and make new friends, you will likely become more confident in yourself, which can lead to greater satisfaction and happiness.  
Over all, lifelong learning is an important part of personal and professional development. It is an enjoyable process that can bring many opportunities to help you improve your work life, meet new friends, and achieve personal satisfaction.  
**Đáp án:**  
1. What's lifelong learning, and how do you benefit from it? (Học tập suốt đời là gì và bạn được lợi ích gì từ việc học tập đó?)  
**Hướng dẫn dịch:**  
"Học tập suốt đời" có nghĩa là tiếp tục thu thập kiến thức và kỹ năng mới trong suốt cuộc đời. Đó là tự nguyện, nhưng thường đòi hỏi rất nhiều kỷ luật tự giác và động lực để duy trì. Nó có thể diễn ra theo nhiều cách, chẳng hạn như tham gia một khóa học địa phương, tham gia các bài học trực tuyến hoặc đọc sách. Ngày nay, việc học các kỹ năng mới và cải thiện đời sống nghề nghiệp, cá nhân và xã hội của bạn trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết nhờ công nghệ mới.  
Trước hết, học tập suốt đời có thể mang lại lợi ích cho sự phát triển nghề nghiệp của bạn. Ví dụ: nếu bạn đang làm việc cho một công ty kinh doanh quốc tế, việc học một ngôn ngữ mới có thể giúp bạn có được mức lương cao hơn hoặc mở ra cơ hội làm việc ở một quốc gia khác. Học những điều mới, đặc biệt là các kỹ năng công nghệ cao như lập trình máy tính hoặc phân tích dữ liệu, cũng sẽ giúp bạn cạnh tranh hơn trên thị trường việc làm vì có nhiều khả năng sẽ khiến bạn trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà tuyển dụng.  
Một lợi ích khác là phát triển cá nhân, như tham gia lớp yoga hoặc học cách nấu một món ăn mới mà bạn thích. Học tập suốt đời có thể giúp bạn tìm thấy niềm đam mê và sở thích mới. Ví dụ: bạn có thể tham gia một khóa học về thiết kế kỹ thuật số trong thời gian rảnh và sau đó phát hiện ra rằng bạn thực sự thích tạo ra những hình ảnh đẹp và vui nhộn!  
Học tập suốt đời cũng giúp ích cho đời sống xã hội của bạn. Nếu bạn tham gia một lớp học, bạn có thể sẽ gặp những người có cùng sở thích. Khi bạn học hỏi và đạt được các kỹ năng cũng như kết bạn mới, bạn có thể sẽ trở nên tự tin hơn vào bản thân, điều này có thể dẫn đến sự hài lòng và hạnh phúc hơn.  
Trên hết, học tập suốt đời là một phần quan trọng của sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp. Đó là một quá trình thú vị có thể mang lại nhiều cơ hội giúp bạn cải thiện cuộc sống công việc, gặp gỡ bạn bè mới và đạt được sự hài lòng cá nhân.  
**b. Now, read and choose the correct answers.** (Bây giờ hãy đọc và chọn câu trả lời đúng.)  
1. Which of the following is NOT mentioned as a characteristic of lifelong learning?  
A. It's the same as formal education.  
B. It's voluntary.  
C. It requires learners to be motivated.  
2. What is different about learning new skills today?  
A. It's mostly online.  
B. Learners prefer to have virtual classes.  
C. Technology makes it easier.  
3. The word competitive in paragraph 2 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. aggressive  
B. cheap  
C. valuable  
4. How can lifelong learning help your social life?  
A. You learn to be a better friend.  
B. You can meet people with similar interests.  
C. You can become more interesting.  
5. Which of the following can be inferred from the passage?  
A. Online learning is better.  
B. Learning helps your career and happiness.  
C. Learning is very difficult.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. C  
  
  
4. B  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: "Lifelong learning" means continuing to acquire new knowledge and skills throughout your life. It is voluntary, but often requires lots of self-discipline and motivation to continue. ("Học tập suốt đời" có nghĩa là tiếp tục thu thập kiến thức và kỹ năng mới trong suốt cuộc đời.)  
2. Thông tin: These days, it has become easier than ever to learn new skills and improve your professional, personal, and social life thanks to new technology. (Ngày nay, việc học các kỹ năng mới và cải thiện đời sống nghề nghiệp, cá nhân và xã hội của bạn trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết nhờ công nghệ mới.)  
3. Thông tin: Learning new things, especially high-tech skills like computer programming or data analysis, will also help you be more in the job market because having a wide range of abilities will make you more attractive to employers. (Học những điều mới, đặc biệt là các kỹ năng công nghệ cao như lập trình máy tính hoặc phân tích dữ liệu, cũng sẽ giúp bạn hơn trên thị trường việc làm vì có nhiều khả năng sẽ khiến bạn trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà tuyển dụng.)  
4. Thông tin: If you join a class, you will likely meet people who share the same interests. (Nếu bạn tham gia một lớp học, bạn có thể sẽ gặp những người có cùng sở thích.)  
5. Thông tin: Over all, lifelong learning is an important part of personal and professional development. It is an enjoyable process that can bring many opportunities to help you improve your work life, meet new friends, and achieve personal satisfaction. (Trên hết, học tập suốt đời là một phần quan trọng của sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp. Đó là một quá trình thú vị có thể mang lại nhiều cơ hội giúp bạn cải thiện cuộc sống công việc, gặp gỡ bạn bè mới và đạt được sự hài lòng cá nhân.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập như một đặc điểm của học tập suốt đời?  
A. Nó cũng giống như giáo dục chính quy.  
B. Nó là tự nguyện.  
C. Nó đòi hỏi người học phải có động lực.  
2. Việc học các kỹ năng mới ngày nay có gì khác biệt?  
A. Nó chủ yếu là trực tuyến.  
B. Người học thích có các lớp học trực tuyến hơn.  
C. Công nghệ khiến mọi việc trở nên dễ dàng hơn.  
3. Từ “competitive” ở đoạn 2 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_\_\_.  
A. hung hăng  
B. rẻ  
C. có giá trị  
4. Học tập suốt đời có thể giúp ích gì cho đời sống xã hội của bạn?  
A. Bạn học cách trở thành một người bạn tốt hơn.  
B. Bạn có thể gặp những người có cùng sở thích.  
C. Bạn có thể trở nên thú vị hơn.  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?  
A. Học trực tuyến tốt hơn.  
B. Học tập giúp ích cho sự nghiệp và hạnh phúc của bạn.  
C. Việc học rất khó khăn.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD1-64  
(Học sinh tự thực hành.)  
**d. In pairs: Do you know someone who's a lifelong learner? What do people in your country usually learn after finishing school?** (Theo cặp: Bạn có biết ai là người học tập suốt đời không? Người dân ở nước bạn thường học gì sau khi học xong?)  
(Học sinh tự thực hành.)  
  
**Grammar (phần a->e trang 51-52 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about the simple, compound, complex sentences, then fill in the blanks.** (Đọc về các câu đơn, câu ghép, câu phức, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- I’m going to take a cooking class so that I can cook for myself. Do you want to do it with me?  
- I’d love to, but I’m really busy.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Tôi sẽ tham gia một lớp học nấu ăn để có thể tự nấu ăn. Bạn có muốn tham gia cùng với tôi không?  
- Tôi rất muốn nhưng tôi thực sự bận.  
  
  
  
  
**Câu đơn, câu ghép và câu phức**  
Một **câu đơn** chỉ có một mệnh đề độc lập.  
**S + V + (O)**  
I want to take a course in digital marketing. (Tôi muốn tham gia một khóa học về tiếp thị kỹ thuật số.)  
Một **câu ghép** có hai hoặc nhiều mệnh đề độc lập được nối với nhau bằng một **liên từ kết hợp**.  
S + V (+O), **liên từ kết hợp** + S + V (+O)  
I want to be a scientist, **and** learning data analysis would be a very useful skill to have. (Tôi muốn trở thành một nhà khoa học và việc học phân tích dữ liệu sẽ là một kỹ năng rất hữu ích cần có.)  
• Các liên từ kết hợp phổ biến: **and** (và), **or** (hoặc), **but** (nhưng), **so** (vì vậy), **for** (để), **nor** (cũng không), và **yet** (tuy nhiên).  
Một **câu phức** có một mệnh đề độc lập và ít nhất một mệnh đề phụ thuộc được nối với nhau bằng một **liên từ phụ thuộc**.  
S + V (+O) + **liên từ phụ thuộc** + S + V (+O)  
You should learn Korean **because** there are many Korean companies in our town. (Bạn nên học tiếng Hàn vì có rất nhiều công ty Hàn Quốc ở thị trấn của chúng ta.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD1-65  
(Học sinh tự thực hành.)  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Câu đơn, câu ghép và câu phức**  
• Các liên từ phụ thuộc phổ biến: **so that** (để), **if** (nếu), **when** (khi), **although/though** (mặc dù), **because** (bởi vì), **before** (trước khi), **after** (sau khi), v.v. Chúng ta ngăn cách các mệnh đề bằng **dấu phẩy** nếu **liên từ phụ thuộc** đứng đầu 1 mệnh đề.  
**When** I go to university, I'll take extra classes to learn how to manage my money better. (Khi vào đại học, tôi sẽ tham gia các lớp học thêm để học cách quản lý tiền bạc tốt hơn.)  
  
  
  
  
**c. Choose the correct conjunctions.** (Chọn các liên từ đúng.)  
1. Many courses offer flexible schedules \_\_\_\_\_\_\_ working people can learn more easily.  
A. so that  
B. because  
C. and  
2. I'm going to learn a foreign language and IT skills \_\_\_\_\_\_\_ they'll help me get a good job.  
A. when  
B. so  
C. because  
3. \_\_\_\_\_\_\_ my acting skills aren't great, I have a passion for acting and films.  
A. Before  
B. Though  
C. But  
4. \_\_\_\_\_\_\_ you start a new course, you should make a study plan and follow it.  
A. So that  
B. Although  
C. When  
5. You should keep up with the latest technology \_\_\_\_\_\_\_ you want to remain competitive in the job market.  
A. if  
B. so  
C. and  
6. I've always been interested in music, \_\_\_\_\_\_\_ I'm going to take a singing course.  
A. but  
B. so that  
C. so  
7. \_\_\_\_\_\_\_ I often don't have good self-discipline, I really love learning new things.  
A. Although  
B. Because  
C. If  
8. I don't have much time, \_\_\_\_\_\_\_ I'm going to take an online class.  
A. but  
B. so  
C. when  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. B  
  
  
4. C  
  
  
5. A  
  
  
6. C  
  
  
7. A  
  
  
8. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhiều khóa học đưa ra lịch học linh hoạt để người đi làm có thể học dễ dàng hơn.  
2. Tôi sẽ học 1 ngoại ngữ và kỹ năng CNTT vì chúng sẽ giúp tôi có được một công việc tốt.  
3. Dù kỹ năng diễn xuất của tôi không tốt nhưng tôi có niềm đam mê với diễn xuất và phim ảnh.  
4. Khi bắt đầu một khóa học mới, bạn nên lập kế hoạch học tập và thực hiện theo nó.  
5. Bạn nên theo kịp công nghệ mới nhất nếu bạn muốn duy trì tính cạnh tranh trong thị trường việc làm.  
6. Tôi luôn có hứng thú với âm nhạc nên tôi sẽ tham gia một khóa học hát.  
7. Mặc dù tôi thường không có tính kỷ luật tự giác tốt nhưng tôi rất thích học hỏi những điều mới.  
8. Tôi không có nhiều thời gian nên tôi sẽ tham gia lớp học trực tuyến.  
**d. Combine the sentences using the conjunctions in the box.** (Kết hợp các câu sử dụng các liên từ trong khung.)  
  
  
  
  
  
and if before so that but because  
  
  
  
  
  
1. Tom wants to learn many skills. He doesn't have enough self-discipline.  
2. You'll get a lot of satisfaction from learning something you love. You'll meet new friends.  
3. We should try hard to acquire these in-demand skills. They'll be really useful.  
4. I want to learn tennis. I can keep fit.  
5. Our company offers an online course in data analysis. I'll take it.  
6. You sign up for any courses. It's always a good idea to read the reviews.  
**Đáp án:**  
1. Tom wants to learn many skills, but he doesn't have enough self-discipline.  
2. You'll get a lot of satisfaction from learning something you love, and you’ll meet new friends.  
3. We should try hard to acquire these in-demand skills because they'll be really useful.  
4. I want to learn tennis so that I can keep fit.  
5. If our company offers an online course in data analysis, I'll take it.  
6. Before you sign up for any courses, it's always a good idea to read the reviews.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tom muốn học nhiều kỹ năng nhưng anh ấy không có đủ tính kỷ luật tự giác.  
2. Bạn sẽ cảm thấy rất hài lòng khi học được điều mình yêu thích và gặp gỡ những người bạn mới.  
3. Chúng ta nên cố gắng học hỏi những kỹ năng cần thiết này vì chúng thực sự hữu ích.  
4. Tôi muốn học quần vợt để có thể giữ dáng.  
5. Nếu công ty chúng tôi mở khóa học trực tuyến về phân tích dữ liệu, tôi sẽ tham gia khóa học đó.  
6. Trước khi đăng ký bất kỳ khóa học nào, bạn nên đọc các nhận xét.  
**e. In pairs: Use the prompts to make compound or complex sentences about lifelong learning.** (Theo cặp: Sử dụng gợi ý để đặt câu ghép hoặc câu phức về chủ đề học tập suốt đời.)  
• After high school, … • ... but I don't have a lot of free time.  
• Before going to university, … • … so that I can improve.  
• Though I'm not good at it, … • ... because it's my passion.  
• When I finish school, … • ... if I can find an instructor.  
After high school, I want to learn how to cook. (Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi muốn học nấu ăn.)  
**Gợi ý:**  
Before going to university, I want to visit Hue Imperial City, but I don’t have a lot of money.  
Though I’m not good at math, I want to be a banker.  
When I finish school, I want to take part in a music competition because it’s my passion.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trước khi vào đại học, tôi muốn đến thăm Cố đô Huế, nhưng tôi không có nhiều tiền.  
Mặc dù tôi không giỏi toán nhưng tôi muốn trở thành nhân viên ngân hàng.  
Khi học xong, tôi muốn tham gia một cuộc thi âm nhạc vì đó là niềm đam mê của tôi.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 52 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Focus on the /ɔɪ/ sound.** (Tập trung vào âm /ɔɪ/.)  
**b. Listen and notice the sounds of the underlined letters.** (Nghe và chú ý âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)  
jn enj l  
CD1-66  
**Hướng dẫn dịch:**  
join /dʒɔɪn/ (v): tham gia  
enjoy /ɪnˈdʒɔɪ/ (v): thưởng thức, tận hưởng  
oil /ɔɪl/ (v): dầu  
**c. Listen and circle the words you hear.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ bạn nghe được.)  
1. bore boy  
2. toy tie  
3. say soy  
CD1-67  
**Đáp án:**  
1. bore  
2. toy  
3. soy  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. chán nản, cậu bé  
2. đồ chơi, cà vạt  
3. nói, đậu nành  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong *Bài tập c* trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
(Học sinh tự thực hành.)  
  
**Practice (phần a->b trang 53 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering using the pictures and prompts.** (Nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời sử dụng hình ảnh và gợi ý.)  
CD1-68  
- What do you want to learn? (Bạn muốn học gì?)  
- I want to learn how to paint. (Tôi muốn học vẽ.)  
- Why? (Tại sao?)  
- I want to learn how to paint so that I can paint animals and nature. (Tôi muốn học vẽ để có thể vẽ động vật và thiên nhiên.)  
  
**Gợi ý:**  
1.  
- What do you want to learn?  
- I want to learn about data analysis.  
- Why?  
- I want to learn about data analysis because if I do, I'll have a competitive advantage.  
2.  
- What do you want to learn?  
- I want to learn how to speak Spanish.  
- Why?  
- I want to learn how to speak Spanish because when I travel to Spain, I want to speak to locals.  
3.  
- What do you want to learn?  
- I want to learn how to maintain self-discipline.  
- Why?  
- I want to learn how to maintain self-discipline because it could help me study better, or it could help me get fit.  
4.  
- What do you want to learn?  
- I want to learn how to play tennis.  
- Why?  
- I want to learn how to play tennis because my dad has a passion for it, and I want to play with him.  
5.  
- What do you want to learn?  
- I want to learn how to make pizza.  
- Why?  
- I want to learn how to make pizza because I love cooking, and it would make my family happy.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1.  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học về phân tích dữ liệu.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn tìm hiểu về phân tích dữ liệu vì nếu làm vậy tôi sẽ có lợi thế cạnh tranh.  
2.  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học cách nói tiếng Tây Ban Nha.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn học nói tiếng Tây Ban Nha vì khi tôi đến Tây Ban Nha, tôi muốn nói chuyện với người dân địa phương.  
3.  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học cách duy trì tính kỷ luật tự giác.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn học cách duy trì tính kỷ luật tự giác vì nó có thể giúp tôi học tập tốt hơn hoặc giúp tôi khỏe mạnh hơn.  
4.  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học chơi quần vợt.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn học chơi quần vợt vì bố tôi rất đam mê môn này và tôi muốn chơi với ông.  
5.  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học cách làm bánh pizza.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn học cách làm bánh pizza vì tôi thích nấu nướng và điều đó sẽ khiến gia đình tôi hạnh phúc.  
**b. Practice with your own ideas.** (Thực hành với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
- What do you want to learn?  
- I want to learn how to speak Chinese.  
- Why?  
- I want to learn how to learn how to speak Chinese because I want to watch Chinese films without subtitles.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn muốn học gì?  
- Tôi muốn học cách nói tiếng Trung Quốc.  
- Tại sao?  
- Tôi muốn học cách nói tiếng Trung vì tôi muốn xem phim Trung Quốc không cần phụ đề.  
  
**Speaking (phần a->b trang 53 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Choose two types of skills that you want to learn after finishing school. In pairs: Discuss the skills you want to learn and why, as well as the benefits and results you hope to achieve. Use as many of the new words as you can.** (Chọn hai loại kỹ năng mà bạn muốn học sau khi học xong. Theo cặp: Thảo luận về những kỹ năng bạn muốn học và lý do học, cũng như những lợi ích và kết quả mà bạn mong muốn đạt được. Hãy sử dụng càng nhiều từ mới càng tốt.)  
  
  
  
  
**Arts and crafts**  
drawing, oil painting, sewing, etc.  
  
  
**Language**  
Japanese, French, etc.  
  
  
  
  
**Fitness**  
yoga, tennis, etc.  
  
  
**Cooking and baking**  
international cuisine, making bread, etc.  
  
  
  
  
**Computer**  
data analysis, web design, etc.  
  
  
**Others**  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
Learning a new language is one of my skills I really desire after finishing school. Because it’s a powerful way to distinguish myself from my peers and colleagues, it’s becoming less of a nice-to-have and more of a job requirement. Furthermore, the surest way to understand a culture - to know it, empathize with it, and come to adore it - is to know its language. In studies, children who have studied an additional language like and respect the culture associated with that language, as well as demonstrate higher levels of empathy and tolerance. Language learning deepens and expands the way I move through the world.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học ngôn ngữ mới là một trong những kỹ năng tôi thực sự mong muốn sau khi học xong. Tại sao? Bởi vì đó là một cách mạnh mẽ để phân biệt bản thân tôi với bạn bè đồng trang lứa và đồng nghiệp, nên nó ngày càng trở thành một yêu cầu công việc bắt buộc nhiều hơn là nên có. Hơn nữa, cách chắc chắn nhất để hiểu một nền văn hóa – biết nó, đồng cảm với nó và yêu mến nó – là biết ngôn ngữ của nó. Trong nhiều nghiên cứu, những đứa trẻ đã học thêm một ngôn ngữ sẽ thích và tôn trọng nền văn hóa gắn liền với ngôn ngữ đó, cũng như thể hiện mức độ đồng cảm và khoan dung cao hơn. Việc học ngôn ngữ giúp tôi đào sâu và mở rộng cách tôi di chuyển khắp thế giới.  
**b. What difficulties do you think you might have when learning these skills? What can be done to help you overcome the difficulties?** (Bạn nghĩ mình có thể gặp những khó khăn gì khi học những kỹ năng này? Có thể làm gì để giúp bạn vượt qua khó khăn?)  
I think finding time to learn will be difficult for me. I want to find a part-time job first, so I won't have much free time to learn. (Tôi nghĩ việc tìm thời gian để học sẽ khó khăn đối với tôi. Mình muốn tìm việc làm thêm trước nên không có nhiều thời gian rảnh để học.)  
**Gợi ý:**  
I think losing concentration during lectures due to distractions around me is one of the problems encountered most frequently today. Regular breaks between classes will aid me in refueling and improving my ability to concentrate.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi nghĩ việc mất tập trung trong giờ giảng do những thứ gây xao nhãng xung quanh là một trong những vấn đề gặp phải thường xuyên nhất hiện nay. Nghỉ giải lao thường xuyên giữa các tiết học sẽ giúp tôi tiếp thêm năng lượng và cải thiện khả năng tập trung.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 5 Lesson 2 (trang 54, 55, 56, 57)  
Unit 5 Lesson 3 (trang 58, 59, 60)